

1 viên/vi x 60 vi/Hộp

# CORINELL

Soft Cap.

60 Caps.

Bản xuất tại Hàn Quốc bởi:

**HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION**  
 KGMP  
 543-3 Kajok-Ri, Jinwee-Myun, Pyungtaek-City, Kyunggi-Do, Korea

60 Caps.

Manufactured by:

**HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION**  
 KGMP  
 543-3 Kajok-Ri, Jinwee-Myun, Pyungtaek-City, Kyunggi-Do, Korea

# CORINELL

Soft Cap.

## CORINELL

Soft Cap.

**[Composition]** Each soft capsule contains:  
 L-Cystine.....250mg  
 Choline hydrogen tartrate.....250mg  
**[Indications, Dosage, Contraindication, side-effect, precaution]** Please see the insert inside.  
**[Storage]** Store in airtight container, a dry place, at room temperature below 25 degree.  
 Protect from light and moisture.  
**[Specification]** In house

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
 READ ENCLOSED LEAFLET CAREFULLY BEFORE USE

NSW/Via No.  
 ĐS & SỞ Lọc, Nu.  
 NSW Exp. Date  
 HCV Mfg. Date

1 soft cap./blister x 60 blisters/Box

# CORINELL

Soft Cap.

60 Caps.

Manufactured by:

**HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION**  
 KGMP  
 543-3 Kajok-Ri, Jinwee-Myun, Pyungtaek-City, Kyunggi-Do, Korea

## CORINELL

Soft Cap.

**Thành phần:** Mỗi viên nang mềm có chứa:  
 L-Cystine.....250mg  
 Choline hydrogen tartrate.....250mg  
**Chỉ định, liều dùng & cách dùng, chống chỉ định và lưu ý:**  
 Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Bảo quản:** Để trong hộp kín, nơi khô mát, ở nhiệt độ dưới 25 độ C.  
 Tránh ánh sáng và ẩm.  
**Dạng bào chế:** Viên nang mềm.

**Các thông tin khác, xin xem tờ hướng dẫn sử dụng**

ĐỘC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG  
 ĐỂ XÀ TẠM TAY TRẺ EM

Hộp nhỏ bao:

182/80  
28/78V

**RỘ Y TẾ**  
**CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**  
**ĐÃ PHÊ DUYỆT**  
 Lần đầu: 18/01/13

1 Soft Cap.

**CORINELL** Soft Cap.

Manufactured by:

**HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION**  
 KGMP  
 543-3 Kajok-Ri, Jinwee-Myun, Pyungtaek-City, Kyunggi-Do, Korea

**[Composition]** Each soft capsule contains:  
 L-Cystine.....250mg  
 Choline hydrogen tartrate.....250mg  
**[Indications, Dosage, Contraindication, side-effect, precaution]**  
 Please see the insert inside.  
**[Storage]**  
 Store in airtight container, a dry place, at room temperature below 25 degree.  
 Protect from light and moisture.  
**[Specification]** In house

**Thành phần:** Mỗi viên nang mềm có chứa:  
 L-Cystine.....250mg  
 Choline hydrogen tartrate.....250mg  
**Chỉ định, liều dùng & cách dùng, chống chỉ định và lưu ý:**  
 Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

NSW/Via No.  
 ĐS & SỞ Lọc, Nu.  
 NSW Exp. Date  
 HCV Mfg. Date

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**  
**Đề xa tâm tay trẻ em**

**CORINELL**

**[Thành phần]**

Mỗi viên nang mềm có chứa:

L-Cystine.....250mg

Choline hydrogen tartrate.....250mg

Tá dược.....vừa đủ 1 viên

(Tá dược gồm: Soybean oil, hydrogenated coconut palm oil, white beeswax, lecithin, gelatin, concentrated glycerin, sorbitol solution, Ethyl vanillin, titanium oxide, coloring agent)

**[Dược lực học]**

L-Cystine là một amino acid tự nhiên, có tác dụng tăng chuyển hoá protein. Ngoài ra, trong thành phần có chứa gốc -SH, có tác dụng khử các gốc tự do, là tác nhân đóng vai trò chủ yếu trong nhiều bệnh có liên quan đến tăng gốc tự do (thoái hoá, lão hoá, ung thư, xơ gan...).

Choline hydrogen tartrate: Có vai trò quan trọng trong chuyển hoá chất béo và tác động như là chất cho -CH<sub>3</sub> trong nhiều quá trình chuyển hoá khác nhau trong cơ thể. Do đó được sử dụng trong điều trị các bệnh gan nhiễm mỡ, xơ gan...

**[Dược động học]**

Sau khi uống L-cystine được hấp thu tốt từ ruột, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được từ 1-6 giờ sau khi uống.

L-Cystine được phân bố chủ yếu ở gan, được chuyển hoá như taurine và acid pyruvic. Thải trừ chủ yếu qua mật với 21% liều được thải trừ trong vòng 24 giờ sau khi uống.

Choline hydrogen tartrate: Được hấp thu tốt sau khi uống, phân bố chủ yếu ở gan, thải trừ phần lớn qua phân và một phần qua nước tiểu.

**[Chỉ định]**

Hỗ trợ và điều trị các bệnh rối loạn và suy giảm chức năng gan như gan nhiễm mỡ và xơ gan.

**[Liều lượng và cách dùng]**

**Người lớn:**

Liều dùng thông thường là 2 viên/lần, 2 lần/ngày. Uống 2 viên vào buổi sáng và 2 viên vào buổi tối.

**Trẻ em > 6 tuổi:**

Liều dùng thông thường là 1 viên/lần, 1-2 lần/ngày. Uống vào buổi sáng và/hoặc buổi tối.

Để thuốc hấp thu tốt nên dùng thuốc 1 tiếng trước bữa ăn. Liều dùng và thời gian điều trị có thể được điều chỉnh tùy thuộc vào chỉ định của bác sỹ và tình trạng của bệnh nhân.

**[Chống chỉ định]**

Bệnh nhân mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân suy thận nặng, hôn mê gan

**[Thận trọng]**



Không nên dùng thuốc cho bệnh nhân bị chứng cystine niệu, trẻ em dưới 6 tuổi.

Sau 1 tháng dùng thuốc mà không có hiệu quả, nên ngừng sử dụng thuốc và tham khảo ý kiến của bác sỹ hoặc dược sỹ

**[Phụ nữ có thai và cho con bú]**

Chưa có nghiên cứu có tính xác thực về tác dụng của thuốc đối với phụ nữ có thai và cho con bú, vì vậy không nên sử dụng thuốc này mà không tham khảo ý kiến của các bác sỹ hay dược sỹ.

*Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sỹ  
Thông báo cho bác sỹ nếu có phản ứng phụ khi dùng thuốc*

**[Tương tác thuốc]**

Chưa thấy có tương tác nào được ghi nhận.

**[Tác động đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc]**

Dùng được khi lái xe và vận hành máy móc.

**[Phản ứng phụ]**

Thuốc được dung nạp tốt sau khi uống, các tác dụng phụ nếu có thường là các trường hợp rối loạn tiêu hoá. Trong một vài trường hợp có thể gặp tăng mụn trứng cá nhẹ ở giai đoạn đầu sử dụng thuốc, đó là do tác dụng loại bỏ chất cặn bã của thuốc và sẽ tự hết sau ít thời gian điều trị

**[Quá liều]**

Chưa có nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên nếu gặp phải trường hợp quá liều, việc điều trị quá liều chủ yếu là điều trị triệu chứng và nâng đỡ cơ thể.

**[Tiêu chuẩn]** Tiêu chuẩn nhà sản xuất

**[Hạn dùng]** 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**[Đóng gói]** 1 viên nang mềm/vi x 60 vi/hộp

**[Bảo quản]** Bảo quản trong bao bì kín, nơi khô ráo, nhiệt độ thấp hơn 25°C. Tránh ánh sáng và ẩm.

Nhà sản xuất

**HAWON PHARMACEUTICAL CORPORATION**

543-3, Kakok-Ri, Jinwee-Myun, Pyungtaek-City, Kyunggi-Do, Korea



PHÓ CỤC TRƯỞNG

*Nguyễn Văn Thanh*

